TRƯỜNG CNTT-TT
KHOA CNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP K50

Ngành: **Công nghệ thông tin** (Information Technology) Mã ngành: 7480201

Chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4,5 năm Danh hiệu: Kỹ sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 - Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*Sinh viên học theo thời khoá biểu của Trường*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
6	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			
Cộng			**13**	**13**	**0**					
Học kỳ 2 - Năm thứ 1										
1	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
2	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
3	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		45	30			
4	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
Cộng			**13**	**11**	**2**					
Học kỳ 3 - Năm thứ 1										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 *(*)*	1		1		30			
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
3	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		
4	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45	60			
5	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
Cộng			**13**	**8**	**5**					
Học kỳ 1 - Năm thứ 2										
1	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
2	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		

3	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60				
4	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
5	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
Cộng			**14**	**11**	**3**					
Học kỳ 2 - Năm thứ 2										
1	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
3	TN012	Đại số tuyến tính và Hình học	4	4		60				
4	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
Cộng			**12**	**9**	**3**					
Học kỳ 3 - Năm thứ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 2 *(tiếp theo)*	1		1		30			
2	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
3	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				
4	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
5	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
Cộng			**13**	**12**	**1**					
Học kỳ 1 - Năm thứ 3										
1	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		
2	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	CT180	
3	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
4	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 2 - Năm thứ 3										
1	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT180		
2	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
3	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			
4	CT273	Giao diện người - máy	3	3		30	30			
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 3 - Năm thứ 3										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 *(tiếp theo)*	1		1		30			
2	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
3	CT294	Máy học ứng dụng	3	3		30	30			
4	CT467	Quản trị dữ liệu	3	3		30	30	CT180		
5	CT293	Mạng và truyền thông dữ liệu	3	3		30	30	CT112		
Cộng			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ 1 - Năm thứ 4										
1	CT275	Công nghệ Web	3	3		30	30	CT180		
2	CT300	Phát triển phần mềm	3	3		30	30	CT176		
3	CT222	An toàn hệ thống	3	3		30	30			
4	CT271E	Niên luận cơ sở - CNTT	3	3			90	CT174, CT176		
Cộng			**12**	**12**	**0**					

Học kỳ 2 - Năm thứ 4										
1	CT202	Nguyên lý máy học	3	3		30	30			
2	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3	3		30	30			
3 4	CT211	An ninh mạng	3	CN1	Chọn 6 TC từ CN1 hoặc CN2 hoặc CN3	30	30			
	CT297	Pháp y máy tính	3			30	30			
	CT449	Phát triển ứng dụng Web	3	CN2		30	30			
	CT484	Phát triển ứng dụng di động	3			30	30			
	CT522	Nền tảng về internet vạn vật	3	CN3		30	30			
	CT279	Blockchain	3			30	30			
5	CT466E	Niên luận - CNTT	3	3			90	≥80TC		
Cộng			**15**	**9**	**6**					
Học kỳ 3 - Năm thứ 4										
1	CT518E	Thực tập doanh nghiệp - CNTT	5	5			150	≥125TC		
Cộng			**5**	**5**	**0**					
Học kỳ 1 - Năm thứ 5										
1	CT550E	Luận văn tốt nghiệp – CNTT	15		15		450	≥120TC		
2	CT501E	Tiểu luận tốt nghiệp – CNTT	6				180	≥120TC		
3	CT478	Trung tâm dữ liệu	3			30	30			
4	CT283	Hệ thống chịu lỗi	3			30	30			
5	CT233	Điện toán đám mây	3			30	30			
6	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30			
7	CT210	Thị giác máy tính	3			30	30			
8	CT219	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3			30	30			
9	CT312	Khai khoáng dữ liệu	3			30	30			
Cộng			**15**	**0**	**15**					
TỔNG CỘNG			**161**	**125**	**36**					

Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ thông tin, Trường CNTT-TT.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA

Phạm Thế Phi